

Bản án số: 552/2024/DS-PT  
Ngày: 19-6-2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tú Oanh

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2290/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5976/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.**

Trụ sở: Số C, đường T, phường B, Quận A, Thành phố H.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:**

- Ông Trần Phúc H hoặc

- Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số G, đường K, Phường A, Quận F, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền số 4437/UQ-PCBP ngày 31/12/2021)

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Hải T2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: C, số C, đường V, phường P, quận T, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H trình bày:*

Căn cứ hợp đồng thuê nhà của ông Nguyễn Hải T2 và ông Nguyễn Văn Đ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ông Nguyễn Hải T2 và yêu cầu gắn điện kế tại địa chỉ số B, Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H của ông Nguyễn Hải T2, Công ty Đ1 (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố H) đã ký hợp đồng mua bán điện số: 18/001670 ngày 18/5/2018 với ông Nguyễn Hải T2, loại điện kế 3 pha, mục đích để sản xuất kinh doanh, mã khách hàng PE06000318579. Tuy nhiên tại địa chỉ trên ghi nhận đồng hồ điện số PE06000179895 và số PE06000178562 đứng tên Lý Thị Tấn T3 là người đứng tên ký hợp đồng mua bán điện ngày 11/10/2006 có chỉ số ban đầu ngày 05/3/2018 là số 4, đến ngày 05/4/2018 thì chỉ số điện là 1.226, số tiền điện là 3.364.869 đồng, khách hàng thanh toán hết nợ, sau đó khách hàng thanh toán đến chỉ số 7.774. Nhưng đến chỉ số chốt 119.580 ngày 05/7/2018, số điện sử dụng là 111.806kw/h, số tiền điện là 331.920.992 đồng và chỉ số chốt 145.679 ngày 05/8/2018, số điện sử dụng là 77.276.924 đồng thì khách hàng không thanh toán nữa, số nợ tiền điện tổng cộng là 409.197.916 đồng. Tổng Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền điện còn nợ nói trên nhưng đến nay ông T2 vẫn không thanh toán.

Do đó, nay Tổng Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông T2 phải thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền điện còn nợ là 409.197.916 đồng.

Do đồng hồ phát sinh điện mang tên Lý Thị Tấn T3 nên hệ thống thông báo nợ điện mang tên Lý Thị Tấn T3, nhưng theo xác nhận của ông Nguyễn Hải T2 và ông Nguyễn Văn Đ là chủ sở hữu căn nhà số B Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H thì từ ngày 19/3/2018 đến ngày 05/8/2018 (tại thời điểm phát sinh nợ điện) ông Nguyễn Hải T2 có thuê căn nhà trên của ông Đ và ông T2 cũng đã thanh toán 03 tháng tiền điện trước khi phát sinh nợ. Do đó, việc ông T2 cho rằng ông không có yêu cầu mở điện và không sử dụng điện nên không chịu trách nhiệm là không có cơ sở.

*Bị đơn ông Nguyễn Hải T2 trình bày:*

Ngày 19/3/2018, ông có ký hợp đồng thuê nhà để thuê căn nhà số B Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H của ông Nguyễn Văn Đ để làm nhà xưởng. Ngày 20/3/2018 thì ông Đ giao nguyên căn nhà cho ông, căn nhà gồm 1 trệt, 2 lầu, 1 sân thượng. Trong khi chờ xưởng hoạt động, ông có cho ông Trần Công T4 thuê lại lầu 1 và sân thượng của căn nhà trên để kiếm thêm thu nhập, thực tế ông T4 đã dọn vào ở trước đó nhưng đến ngày 05/4/2018, ông mới làm hợp đồng với ông T4. Ông T4 thuê nhà sử dụng vào mục đích gì ông không rõ vì ông không ở căn nhà trên thường xuyên do xưởng may chưa hoạt động. Việc ông cho ông T4 thuê lại không có ý kiến của ông Đ.

Lúc thuê nhà của ông Đ, 02 đồng hồ điện có sẵn số PE06000179895 và số PE06000178562, trong đó đồng hồ số PE06000179895 không sử dụng được do bị tháo hết dây còn đồng hồ điện số PE06000178562 thì vẫn sử dụng được, nên ông đã nhờ điện lực kéo một đường điện mới đứng tên Nguyễn Hải T2, số PE06000318579. Đối với 02 đồng hồ điện đứng tên Lý Thị Tấn T3 số PE06000179895 và số PE06000178562 ông không sử dụng và cũng không có yêu cầu điện lực mở, tuy nhiên không rõ ông T4 khi dọn vào ở bằng cách nào đó đã mở lại và sử dụng. Trong lúc thuê, ông T4 đều đóng tiền điện, tiền nước, tiền nhà đầy đủ và tiền điện chỉ ở mức khoảng 7.000.000 đồng mỗi tháng. Đến khi ông T4 dọn đi, lúc này chưa có hóa đơn tiền điện. Ngày 26/7/2018 có giấy mời yêu cầu ông thanh toán tiền điện là 331.920.992 đồng của đồng hồ số PE06000179895. Do giai đoạn này xưởng của ông chưa hoạt động nên ông T4 là người sử dụng điện trong giai đoạn này, ông hoàn toàn không biết và không sử dụng điện. Ông cho ông T4 thuê lại nhà, nên ông T4 là người sử dụng điện tại địa chỉ trên, ông không có ở và cũng không sử dụng điện nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Tháng 6/2017 ông có mua căn nhà số B Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H từ bà Lê Thị Kim C và ông Đỗ Đình N. Ngày 19/3/2018, ông cho ông Nguyễn Hải T2 thuê căn nhà trên, theo hợp đồng thuê nhà thì người thuê sẽ phải đóng tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại cho cơ quan chức năng, bắt đầu thanh toán từ ngày 20/3/2018. Do ông cho thuê nhà và ông không có ở trong căn nhà trên nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không có liên quan.

Việc ông T2 cho rằng có cho ông Trần Công T4 thuê lại căn nhà trên thì ông hoàn toàn không biết, vì ông T2 không thông báo cho ông. Đối với 02 đồng hồ điện đứng tên Lý Thị Tấn T3 số PE06000179895 và số PE06000178562 thì ông xác nhận hiện trạng như ông T2 trình bày, theo quan sát thì ông cũng thấy đồng hồ số PE06000179895 bị tháo hết dây, còn đồng hồ điện số PE06000178562 thì vẫn sử dụng được. Trong thời gian ông cho ông T2 thuê nhà thì ông Đ không có yêu cầu điện lực mở 02 đồng hồ trên để sử dụng

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Luật Điện lực; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Buộc ông Nguyễn Hải T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền điện còn nợ là 409.197.916đ (Bốn trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hải T2 phải chịu án phí số tiền là 20.367.917đ (Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng). Tổng Công ty Điện lực Thành phố H không phải chịu án phí, hoàn trả cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.256.203đ (bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026041 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

3. Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2024, ông Nguyễn Hải T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H để triệu tập ông Trần Công T4.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Nguyễn Hải T2 trình bày: Yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn do ông không đứng tên đồng hồ điện số PEO600O179895 mà phải thanh toán trả tiền cho Công ty Đ1 là không đúng, người sử dụng căn nhà tại giai đoạn phát sinh số nợ tiền điện là ông Trần Công T4, do đó đề nghị Tòa án triệu tập ông T4 để làm rõ.

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trung T1 đề nghị y án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Hải T2 kháng cáo cho rằng ông không sử dụng điện đối với đồng hồ điện số PEO600O179895 nên buộc ông trả là không đúng, ông T2 yêu cầu Tòa án triệu tập ông Trần Công T4 để làm rõ số nợ tiền điện, tuy nhiên ông T2 không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông T4, ngoài ra tại thời điểm phát sinh tiền sử dụng điện thì ông T2 là người đứng tên trên hợp đồng thuê căn nhà căn nhà số B Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H,

quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của ông T2 không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hải T2 làm đúng hình thức, trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hải T2, với lý do kháng cáo đưa ra là ông T2 không sử dụng số điện đó nên không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Trần Công T4 sử dụng điện nên cần triệu tập ông T4, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Tại địa chỉ số B Đường số E, phường T, quận B, Thành phố H mà ông Nguyễn Hải T2 thuê của chủ sở hữu nhà là ông Nguyễn Văn Đ có 03 đồng hồ điện gồm số PE06000179895, số PE06000178562 và số PE06000318579. Số tiền điện do nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực yêu cầu phát sinh từ đồng hồ điện số PE06000179895 được ông T2 xác nhận khi ông nhận nhà từ ông Đ thì đồng hồ điện này đã có sẵn, tuy nhiên ông T2 không sử dụng do đồng hồ điện này đã bị tháo hết dây.

Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định: *“Bên sử dụng điện mới có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để kiểm tra hệ thống đo đếm điện sau khi tiếp nhận địa điểm sử dụng điện đã có thiết bị đo đếm điện. Trong thời gian chưa thông báo cho bên bán điện, bên sử dụng điện phải chịu trách nhiệm về hệ thống đo đếm điện đã tiếp nhận”*.

Như vậy, sau khi nhận nhà từ ông Đ với thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà giữa hai bên là ông T2 sẽ phải đóng tiền điện, ông T2 cho rằng ông không sử dụng đồng hồ điện số PE06000179895 nhưng ông không thông báo cho bên bán điện là Tổng Công ty Điện lực nên ông phải chịu trách nhiệm về hệ thống đo đếm điện đã tiếp nhận. Mặt khác, trên thực tế từ ngày 20/3/2018 ông T2 tiếp nhận căn nhà thuê cho đến khi ông cho ông Trần Công T4 thuê lại, theo như trình bày của ông T2 là tháng 5/2018 và sau đó đến tháng 7/2018, việc trả tiền điện phát sinh tại căn nhà ông T2 thuê nêu trên đều do ông T2 trực tiếp đóng cho bên bán điện là Tổng Công ty Điện lực. Ông T2 trình bày ông cho ông Trần Công T4 thuê lại

nhà nhưng ông không thông báo cho chủ nhà là ông Đ, cũng không thông báo cho bên bán điện là Tổng Công ty Điện lực nên thỏa thuận giữa ông và ông T4 về việc ông T4 trả tiền điện trong thời gian ông T4 thuê căn nhà chỉ là thỏa thuận giữa hai bên, do đó ông T2 vẫn phải chịu trách nhiệm đối với hợp đồng thuê mà ông đã giao kết với ông Đ và chịu trách nhiệm đối với bên bán điện là Tổng Công ty Điện lực.

Vì vậy, số tiền điện là 409.197.916 đồng của đồng hồ điện số PE06000179895 tới ngày 05/8/2018 thì ông T2 phải chịu trách nhiệm thanh toán với bên bán điện là Tổng Công ty Đ. Quan hệ tranh chấp giữa ông T2 và ông T4 liên quan đến trách nhiệm trả tiền điện theo hợp đồng thuê giữa hai bên thì Tòa án không giải quyết trong vụ án này do ông T2 không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông T4.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho lý do kháng cáo của mình và các lý do kháng cáo của ông T2 là không có căn cứ, việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, áp dụng đúng pháp luật, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử là giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T2 không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Luật Điện lực; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hải T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Buộc ông Nguyễn Hải T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền điện còn nợ là 409.197.916đ (Bốn trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hải T2 phải chịu án phí số tiền là 20.367.917đ (Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng). Tổng Công ty Điện lực Thành phố H không phải chịu án phí, hoàn trả cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.256.203đ (bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026041 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

2.3. Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hải T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hải T2 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số: 0011813 ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án quận Bình Tân, Thành phố H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Tp. H;
- VKSND Cấp cao tại Tp. H;
- VKND Tp. H;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VP+HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Tú Oanh**

